TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104**/2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Đấu
2. Bà Trần Thị Sẩm

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 380/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp TS, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố *, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Kim Ph, sinh năm 1986 và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; Cùng địa chỉ: ấp TS, xã CS, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Ông Phong: có mặt; Anh Tòng, chị Phụng: vắng mặt không lý do lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2022 của nguyên đơn Nguyễn Văn Th, bản tự khai và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Ph trình bày:

Vào ngày 02/12/2018, anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim Ph có vay của ông Nguyễn Văn Th số tiền 300.000.000 đồng, cả anh T và chị Ph cùng nhận tiền và ghi giấy nợ, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, khi nào ông Th có nhu cầu thu hồi vốn thì báo trước cho vợ chồng anh T, chị Ph 10 ngày. Khi nhận tiền đến nay, ông Th rất nhiều lần yêu cầu thu hồi nợ gốc và lãi nhưng vợ chồng anh T và chị Ph né tránh không thực hiện. Mục đích vay tiền: Mua xe du lịch.

Vào ngày 02/12/20218, chị Ph vay của ông Th số tiền 100.000.000 đồng, chị Ph nhận tiền và ghi giấy nợ có sự chứng kiến của anh T, lãi suất thỏa thuận 4%/tháng, khi nào ông Th có nhu cầu thu hồi vốn thì báo trước cho vợ chồng anh T và chị Ph 10 ngày. Mục đích vay tiền: Mua xe du lịch.

Ngoài ra, ông Th còn có chơi hụi do anh T và chị Ph làm chủ hụi. Tuy nhiên, nay ông Th rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị Ph và anh T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền hụi 102.500.000 (Một trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Nay ông Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim Ph phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Th số tiền vốn vay là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/12/2018 cho đến ngày Tòa xét xử lãi suất 0,83%/tháng.

Ông Th đồng ý với kết quả giám định chữ ký, chữ viết của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre, không có ý kiến gì khác.

Bị đơn Lê Thị Kim Ph và Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nên không ghi nhận được ý kiến trình bày của chị Ph và anh T.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đảm bảo theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu các bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim Ph có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền hụi 102.500.000 (Một trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu các bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim Pụng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền vốn vay và lãi. Buộc anh Nguyễn

Văn T và chị Lê Thị Kim Ph có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th tổng số tiền vốn vay và lãi tính từ ngày 02/12/2018 đến ngày Tòa xét xử là 562.462.500 (Năm trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng, trong đó tiền vốn vay là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi là 162.462.500 (Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 10/5/2022, ông Nguyễn Văn Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim Ph phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Th số tiền vay và hụi. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền hụi. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án cần phải giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại các Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim Ph có nơi cư trú tại ấp TS, xã CS, huyện M nên theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Bị đơn chị Lê Thị Kim Ph và anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ thời gian trở về, không có người thân thích nhận thay và việc niêm yết công khai không đảm bảo cho chị Ph, anh T nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tống đạt, thông báo nên Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong ba số báo Công lý liên tiếp, phát sóng 03 lần trong ba ngày liên tiếp trên Đài Tiếng nói Việt Nam và đăng trên cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa án tham dự phiên tòa xét xử nhưng các bị đơn chị Lê Thị Kim Ph và anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph, anh T là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Ph là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị Lê Thị Kim Ph và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền hụi 102.500.000 (Một trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện này của ông Phong là phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Nội dung vụ án:

[4.1] Về nghĩa vụ trả tiền vay: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim P phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Th số tiền vốn vay là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông Th đã cung cấp cho Tòa án hai giấy tập học sinh có chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Kim Ph, có nội dung thể hiện chị Ph có vay tiền của ông Th tổng số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng, vay làm 02 lần cùng vào ngày 02/12/2018, cụ thể: Lần 1: vay 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng; Lần 2: vay 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Tại kết luận giám định số 317/2022/KL-KTHS ngày 28/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre xác định chữ ký, chữ viết "Lê Thị Kim Ph" trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra nên có cơ sở xác định chị Ph có vay của ông Th số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị Ph vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của chị Ph về những nội dung liên quan đến việc ông Th tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Ph, cũng như số tiền hiện còn nợ ông Th hay ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của của ông Th. Vì vậy, buộc chị Ph có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Th số tiền vốn vay 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Ông Nguyễn Văn Th yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay tính từ ngày 02/12/2018 đến ngày Tòa xét xử (ngày 30/9/2022) với mức lãi suất 0,83%/tháng. Xét thấy, căn cứ vào giấy tập học sinh do nguyên đơn cung cấp đều thể hiện thời điểm chị Lê Thị Kim Ph vay tiền của ông Th là vào ngày 02/12/2018, lãi suất các bên thỏa thuận đối với số tiền vay 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng là 2%/tháng và 4%/tháng đối với số tiền vay 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Phía nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa đóng lãi tháng nào, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và nhận các tài liệu, chứng cứ nhưng không có ý kiến phản bác. Vì vậy, tiền lãi được tính từ ngày 02/12/2018 đến ngày Tòa xét xử (ngày 30/9/2022) với mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi được tính như sau: 400.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 48 tháng 26 ngày = 162.462.000 đồng.

[4.3] Về nghĩa vụ liên đới: Ông Nguyễn Văn Th khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị Lê Thị Kim Ph để hoàn trả cho ông Thân số tiền vốn vay và lãi phát sinh. Tại các giấy biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp không thể hiện anh T có cùng chị Ph vay số tiền 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng cũng như nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh anh Tòng có biết chị Ph vay số tiền này của ông Th. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng không có văn bản gửi cho Tòa án để thể hiện ý kiến của anh T về những nội dung liên quan đến việc ông Th khởi kiện yêu cầu anh T và chị Ph liên đới hoàn trả số tiền vay và lãi hay ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của của ông Th. Xét thấy, anh T và chị Ph là vợ chồng hợp pháp và hiện vẫn còn tồn tại hôn nhân, số tiền chị Ph vay của ông Th là trong thời kỳ hôn nhân, anh T không có ý kiến phản đối về việc ông Th yêu cầu anh có nghĩa vụ liên đới cùng chị Ph để hoàn trả số tiền vốn vay và lãi phát sinh. Vì vậy, buộc anh T có nghĩa vụ liên đới cùng chị Ph hoàn trả cho ông Th số tiền vốn vay 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi 162.462.000 (Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn) đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ hoàn trả: 562.462.500 đồng x 5%= 28.123.000 đồng.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 3.000.000 (Ba triệu) đồng và nguyên đơn đã tạm nộp xong. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; các Điều 180, 227, 228, 235; 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu chị Lê Thị Kim Ph và anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền hụi 102.500.000 (Một trăm lẻ hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Th về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị Lê Thị Kim Ph và anh Nguyễn Văn T.

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim Ph có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Th tổng số tiền vốn vay và lãi tính từ ngày 02/12/2018 đến ngày Tòa xét xử là 562.462.500 (Năm trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng. Trong đó: Tiền vốn vay là 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi là 162.462.500 (Một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Kim Ph phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.123.000 (Hai mươi tám triệu một trăm hai mươi ba nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Văn Th được miễn nộp tiền tạm ứng án phí do thuộc diện người cao tuổi.

4. Về chi phí tố tụng khác: Chị Lê Thị Kim Ph và anh Nguyễn Văn T phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký, chữ viết số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Do ông Nguyễn Văn Th đã tạm nộp xong nên buộc chị Ph và anh T phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Th số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (1b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Kim Sang